| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>QUẬN THANH KHÊ – TP. ĐÀ NẴNG | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|

Bản án số: **79**/2022/DS-ST
Ngày: 30-12-2022
*Về việc: "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Trần Thị Kim Ánh
*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Trần Minh Thân
Bà Lê Thị Nhớ

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà:*** Bà Lê Thị Minh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2022/TLST-DS, ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2022/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 38 ngày 13 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn*: **Ngân hàng TMCP S (S)**
Địa chỉ trụ sở: 266-268 N, phường 8, quận 3, TP. H;
Địa chỉ liên hệ: 240 N, phường H, quận H, thành phố Đ.
Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D; chức danh: Tổng giám đốc.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thế C; chức vụ: Giám đốc chi nhánh S. *(Theo giấy quyết định về việc ủy quyền ký hợp đồng/thỏa thuận, văn bản và tham gia tố tụng số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/21/2021).*
Ông Nguyễn Thế C uỷ quyền lại cho ông Trương Đình V, sinh năm: 1975, chức vụ: Chuyên viên quản lý nợ; Địa chỉ: 02 Đ, quận T, thành phố Đ (*Theo giấy uỷ quyền số 591/2021/-CNSH) ngày 31/12/2021).* (Có mặt).

*2.Bị đơn:* Bà Đỗ Thị T, sinh năm: 1985; Địa chỉ: K122/15C P, phường T, quận T, thành phố Đ. (Vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2022, bản tự khai ngày 30/12/2022 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương Đình Vinh trình bày:*

Ngày 05/10/2020, bà Đỗ Thị T có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với S, căn cứ thu nhập của bà T ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu đồng chẵn*) với lãi suất trong hạn 2,4%/tháng, lãi suất quá hạn 3,6%/tháng (2,4%x150%) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp thẻ tín dụng đến ngày 25/12/2021, bà Đỗ Thị T đã thực hiện 11 giao dịch với tổng số tiền là 999.985.329 đồng *(Bằng chữ: Chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm tám mươi lăm nghìn, ba trăm hai mươi chín đồng).* Sau thời gian sử dụng, đến ngày 25/10/2021 bà Đỗ Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 18 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 26/4/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà T và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn theo Điều 24 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu bà T có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bà T vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng ký kết. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình, S yêu cầu Tòa án giải quyết giải quyết buộc bà T phải thanh toán ngay cho S số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/6/2022 là 120.156.945 đồng, trong đó: Nợ gốc: 114.391.606 đồng; Lãi quá hạn: 5.765.340 đồng.

Tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - S trình bày số tiền nợ của bà Đỗ Thị T tính đến ngày 30 tháng 12 năm 2022 là 148.571.835 đồng, trong đó: nợ gốc: 114.391.605 đồng; nợ lãi quá hạn: 34.180.230 đồng.

*Bị đơn là bà Đỗ Thị T mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý, các thông báo hòa giải và thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập hợp lệ nhưng bà T vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật, riêng bị đơn không thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự .

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng 2010 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Đỗ Thị T phải thanh toán cho S số tiền 148.571.835 đồng *(trong đó: Nợ gốc:* 114.391.605 *đồng, Lãi quá hạn:* 34.180.230 *đồng)* tạm tính đến ngày 30 tháng 12 năm 2022 và tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ 31 tháng 12 năm 2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản tiền trên thì bà T phải trả lãi quá hạn trên số dư nợ gốc theo thoả thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng mà hai bên đã ký kết.

Đồng thời, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về thủ tục và nội dung giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là bà Đỗ Thị T đã được Tòa án thực hiện các thủ tục triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng đến lần thứ hai vẫn không có mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đương sự nói trên.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 05 tháng 10 năm 2020, bà Đỗ Thị T có ký với S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 100.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2,4%/tháng, lãi suất quá hạn 3.6%/tháng (2,4% x 150%) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 999.985.329 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, đến ngày 25 tháng 10 năm 2021 bà Đỗ Thị T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 18 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 26 tháng 4 năm 2022, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp nhưng bà Trang vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, S khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Đỗ Thị T phải thanh toán số tiền tính đến ngày 30 tháng 12 năm 2022 là 148.571.835 đồng, trong đó: nợ gốc: 114.391.605 đồng; nợ lãi quá hạn: 34.180.230 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, S thay đổi nội dung khởi kiện về số tiền nợ lãi là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn thì thấy: Căn cứ "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" được phê duyệt ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa S với bà Đỗ Thị T; "Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của S (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 24 tháng 8 năm 2020"; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định S có cho bà Đỗ Thị T vay tổng số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất trong hạn 2,4 %/tháng, lãi suất quá hạn 3.6%/tháng (2,4% x 150%), với mục đích tiêu dùng cá nhân thỏa thuận theo các văn bản đã nêu trên. Đây là Hợp đồng tín dụng, có nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên khi bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền khởi kiện. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận; cần buộc bà Đỗ Thị T phải thanh toán cho S số tiền là 148.571.835 đồng, trong đó: nợ gốc: 114.391.605 đồng; nợ lãi quá hạn: 34.180.230 đồng tính đến ngày 30/12/2022
theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[4] Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 3.720.000 đồng Ngân hàng TMCP S chịu theo khoản 2 Điều 180 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn - bà Đỗ Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm: 148.571.835 đồng x 5% ~ 7.428.591 đồng.

[6] Hoàn trả cho S số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 63, 147, 180, 227, 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 91, 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện v/v "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TMCP S đối với bà Đỗ Thị T.

Buộc bà Đỗ Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP S **148.571.835 đồng**, trong đó: nợ gốc: 114.391.605 đồng; nợ lãi quá hạn: 34.180.230 đồng tính đến ngày 30 tháng 12 năm 2022.

Kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2022, bà Đỗ Thị T còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP S với lãi suất theo "Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng" được phê duyệt ngày 05 tháng 10 năm 2020 giữa Ngân hàng TMCP S với bà Đỗ Thị T và "Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S (đơn vị phát hành thẻ) có hiệu lực từ ngày 24 tháng 8 năm 2020" tương ứng với số tiền nợ gốc và thời gian chưa thanh toán.

**2.** Án phí dân sự sơ thẩm: 7.428.591 đồng (*Bảy triệu, bốn trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm chín mươi mốt đồng)* bà Đỗ Thị T phải chịu.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 3.004.000 đồng *(Bằng chữ: Ba triệu, không trăm lẻ bốn nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0002861 ngày 11 tháng 07 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng.

**3.** Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 3.720.000 đồng Ngân hàng TMCP S chịu *(Ngân hàng đã tự chi theo Hoá đơn giá trị gia tăng ngày 30/8/2022 và ngày 05/9/2022*).

**4.** Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Viện KSND quận Thanh Khê;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**(Đã ký)**

**Trần Thị Kim Ánh**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ** **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**